| | |
|---|---|
| UBND TỈNH ĐỒNG THÁP<br>**SỞ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 965/QĐ-SYT | *Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 18: Cung cấp, lắp đặt trang thiết bị Nha khoa, Nhãn khoa và Tai mũi họng thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp

## GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghi định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi Khoản 4, Điều 4 Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế ban hành kèm theo 42/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Trên cơ sở Tờ trình số 73/2019/TTr-MECCOM ngày 18/11/2019 của Công ty cổ phần Tư vấn và Thiết kế trang thiết bị y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp, lắp đặt trang thiết bị Nha khoa, Nhãn khoa và Tai mũi họng (Số hiệu gói thầu: 18), thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp; nội dung Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 72/2019/TTr-MECCOM ngày 18/11/2019 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế trang thiết bị y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Sở,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 18: Cung cấp, lắp đặt trang thiết bị Nha khoa, Nhãn khoa và Tai mũi họng thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Lê;

Địa chỉ: Số 68 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

2. Giá trị trúng thầu: 12.379.080.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười hai tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn); Giá đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển lắp đặt và chuyển giao công nghệ.

(Phục lục đính kèm theo)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: trọn gói.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Công ty liên doanh TNHH tư vấn y tế Mediconsult Việt Nam, Công ty cổ phần Tư vấn và Thiết kế trang thiết bị y tế, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Lê và các Đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Kho bạc;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC (08 bản).

**GIÁM ĐỐC**

Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh Đồng Tháp
Email: syt@dongthap.gov.vn

**Nguyễn Lâm Thái Thuận**

**Phụ lục: DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ**
**Gói thầu số 18: Cung cấp, lắp đặt trang thiết bị Nha khoa, Nhãn khoa và Tai mũi họng thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp**

*(Kèm theo Quyết định số: 965/QĐ-SYT ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Đồng Tháp)*

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| 1 | Bảng thử thị lực bằng điện tử | Cái | 3 | Model: Clearchart 4<br>Hãng sản xuất: Reichert<br>Nước sản xuất: Mỹ | 29.900.000 | 89.700.000 |
| 2 | Bộ đo nhãn áp | Bộ | 4 | Model: Maclakov<br>Hãng sản xuất: Hoàng Nguyễn<br>Nước sản xuất: Việt Nam | 3.950.000 | 15.800.000 |
| 3 | Bộ dụng cụ khám khúc xạ | Bộ | 2 | - Đèn soi bóng đồng tử<br>Model: Professional 1302-P- 1011 (dùng điện + pin sạc)<br>- Thước soi bóng đồng tử<br>Code: 2202-P-1000<br>Hãng sản xuất: Keeler<br>Nước sản xuất: Anh | 44.950.000 | 89.900.000 |
| 4 | Bộ dụng cụ lấy dị vật trong mắt | Bộ | 2 | Hãng sản xuất: Daud<br>Nước sản xuất: Pakistan | 74.900.000 | 149.800.000 |
| 5 | Bộ kính thử lực kèm gọng (cận + viễn) | Bộ | 2 | Model: K-350A + K-0391<br>Hãng sản xuất: Inami<br>Nước sản xuất: Nhật Bản | 89.800.000 | 179.600.000 |
| 6 | Bộ ống thông tuyến lệ | Bộ | 1 | Hãng sản xuất: NOPA instruments Medizintechnik Gmbh<br>Nước sản xuất: Đức & Pakistan & Thổ Nhĩ Kỳ | 9.700.000 | 9.700.000 |
| 7 | Đèn khe (Slit lamp) | Cái | 2 | Model: L-0185<br>Hãng sản xuất: Inami | 49.500.000 | 99.000.000 |

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| | | | | Nước sản xuất: Nhật Bản | | |
| 8 | Đèn soi đáy mắt trực tiếp | Cái | 8 | Model: Professional 1128-P-1013 (dùng pin)<br>Hãng sản xuất: Keeler<br>Nước sản xuất: Anh | 6.480.000 | 51.840.000 |
| 9 | Đèn soi mắt gián tiếp | Cái | 1 | Model: Vantage Plus<br>Code: 1205-P-1011<br>Hãng sản xuất: Keeler<br>Nước sản xuất: Anh | 49.500.000 | 49.500.000 |
| 10 | Kính 3 mặt gương (kính soi góc) | Cái | 1 | Model: VU3MIRANF +<br>Hãng sản xuất: Volk<br>Nước sản xuất: Mỹ | 9.500.000 | 9.500.000 |
| 11 | Máy đo độ lác | Cái | 1 | Model: GEM-2981<br>Hãng sản xuất: Gem Opticals Instrument<br>Nước sản xuất: Ấn Độ | 298.000.000 | 298.000.000 |
| 12 | Máy đo khúc xạ kế tự động kèm đo độ cong giác mạc | Cái | 2 | Model: Optochek™ Plus (15170)<br>Hãng sản xuất: Reichert/Mỹ<br>Nước sản xuất: Nhật Bản | 349.000.000 | 698.000.000 |
| 13 | Máy đo khúc xạ tự động | Cái | 1 | Model: PRK - 7000<br>Hãng sản xuất: Potec<br>Nước sản xuất: Hàn Quốc | 199.000.000 | 199.000.000 |
| 14 | Máy đo nhãn áp không tiếp xúc | Máy | 3 | Model: TonoCare<br>Hãng sản xuất: Keeler<br>Nước sản xuất: Anh Quốc | 299.000.000 | 897.000.000 |
| 15 | Máy Laser bán phần sau | Bộ | 1 | Model: VITRA<br>Hãng sản xuất: Quantel medical<br>Nước sản xuất: Pháp | 1.099.000.000 | 1.099.000.000 |

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| 16 | Bộ buộc tháo cung liên hàm | Bộ | 5 | Hãng sản xuất: Prime<br>Nước sản xuất: Pakistan | 4.950.000 | 24.750.000 |
| 17 | Bộ dụng cụ cấy ghép Implant | Bộ | 1 | Hãng sản xuất: Osung<br>Nước sản xuất: Hàn quốc | 299.000.000 | 299.000.000 |
| 18 | Bộ dụng cụ chỉnh nha | Bộ | 1 | Hãng sản xuất: Osung<br>Nước sản xuất: Hàn quốc | 9.950.000 | 9.950.000 |
| 19 | Bộ dụng cụ khám chữa răng | Bộ | 30 | Hãng sản xuất: Osung/Nước sản xuất: Hàn quốc<br>Hãng sản xuất: Prime/Nước sản xuất: Pakistan | 4.980.000 | 149.400.000 |
| 20 | Bộ dụng cụ nhổ răng người lớn | Bộ | 20 | Hãng sản xuất: Osung<br>Nước sản xuất: Hàn quốc | 9.980.000 | 199.600.000 |
| 21 | Bộ dụng cụ nhổ răng trẻ em | Bộ | 13 | Hãng sản xuất: Osung<br>Nước sản xuất: Hàn quốc | 9.980.000 | 129.740.000 |
| 22 | Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt | Bộ | 4 | Hãng sản xuất: NOPA instruments Medizintechnik Gmbh<br>Nước sản xuất: Đức & Pakistan & Thổ Nhĩ Kỳ | 259.900.000 | 1.039.600.000 |
| 23 | Bộ ghế khám và điều trị răng hàm mặt + Máy lấy cao răng siêu âm + Đèn quang trùng hợp (kèm Máy nén khí không dùng dầu) | Bộ | 8 | - Ghế khám<br>Model: New GRSIA PLUS (HL-2070)<br>Hãng sản xuất: Hallim<br>Nước sản xuất: Hàn Quốc<br>- Máy lấy cao răng<br>Model: ADV750-N<br>Hãng sản xuất: TPC<br>Nước sản xuất: Mỹ<br>- Đèn quang trùng hợp<br>Model: LED70<br>Hãng sản xuất: TPC | 359.900.000 | 2.879.200.000 |

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| | | | | Nước sản xuất: Mỹ<br>- Máy nén khí không dùng dầu<br>Model: BF-U700<br>Hãng sản xuất: Bofon<br>Nước sản xuất: Trung Quốc | | |
| 24 | Hệ thống Labor răng giả | Bộ | 1 | - Bộ dụng cụ làm sáp 20 chi tiết<br>Hãng sản xuất: PRIME<br>Nước sản xuất: PAKISTAN<br>- Máy mài cầm tay micromotor<br>Model: SC-90<br>Hãng sản xuất: Sunburst<br>Nước sản xuất: Hàn Quốc<br>- Máy mài kim loại siêu tốc<br>Model: E-96<br>Hãng sản xuất: Demco<br>Nước sản xuất: Mỹ<br>- Máy mài thạch cao<br>Model: MT3<br>Hãng sản xuất: Renfert<br>Nước sản xuất: Đức<br>- Máy rung thạch cao<br>Model: Vibrator<br>Hãng sản xuất: Sunburst<br>Nước sản xuất: Hàn Quốc<br>- Máy thổi cát<br>Model: Basic Eco<br>Hãng sản xuất: Renfert<br>Nước sản xuất: Đức<br>- Máy trộn bột đúc<br>Model: Twister evolution | 499.500.000 | 499.500.000 |

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| | | | | Hãng sản xuất: Renfert<br>Nước sản xuất: Đức<br>- Bàn ép răng giả<br>Model: 660<br>Hãng sản xuất: Silfradent<br>Nước sản xuất: Italia<br>- Lò nung sáp<br>Model: Magma<br>Hãng sản xuất: Renfert<br>Nước sản xuất: Đức<br>- Máy đúc kim loại<br>Model: Fornat T<br>Hãng sản xuất: Bego<br>Nước sản xuất: Đức<br>- Lò nướng sứ<br>Model: P3010<br>Hãng sản xuất: Ivoclar Vivadent<br>Nước sản xuất: Áo | | |
| 25 | Hệ thống bàn + ghế khám nội soi tai mũi họng | Cái | 4 | Model: XU2 (bàn khám)<br>CH200 (ghế khám)<br>Hãng sản xuất: Chammed<br>Nước sản xuất: Hàn Quốc | 249.950.000 | 999.800.000 |
| 26 | Bộ dụng cụ mổ hàm ếch | Bộ | 2 | Hãng sản xuất: Rebstock –Instruments GMBH<br>Nước sản xuất: Đức | 99.700.000 | 199.400.000 |
| 27 | Đèn soi tai | Cái | 2 | Hãng sản xuất: Prime<br>Nước sản xuất: Pakistan | 2.900.000 | 5.800.000 |

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Xuất xứ | Đơn giá (bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (VND) (Cột 4x6) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)x(6)* |
| 28 | Hệ thống đo thính lực (máy + phòng cách âm) | HT | 1 | - Phòng cách âm<br>Model: 250S<br>Hãng sản xuất: Amplivox<br>Nước sản xuất: Anh<br>- Máy đo nhĩ lượng<br>Model: Flute Basic<br>Hãng sản xuất: Inventis<br>Nước sản xuất: Italy | 249.500.000 | 249.500.000 |
| 29 | Hệ thống khám nội soi Tai Mũi Họng ống cứng | HT | 2 | MODEL: TELECAM DXII<br>Hãng sản xuất: KARL STORZ, FSN<br>Nước sản xuất: Đức, Hàn Quốc | 749.500.000 | 1.499.000.000 |
| 30 | Máy đo thính lực | Máy | 1 | Model: Harp Basic<br>Hãng sản xuất: Inventis<br>Nước sản xuất: Italy | 259.500.000 | 259.500.000 |
| **Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | **12.379.080.000** |

***(Bằng chữ: Mười hai tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.)***